

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG
TIN
Số: 05/2003/QĐ-BVHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 2 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh*

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN.

Căn cứ Điều 34 Luật Di sản văn hoá ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;

*Căn cứ Nghị định 81/CP ngày 8 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hoá - Thông tin;*

*Căn cứ công văn số 2106/BXD-KTQH ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ Xây dựng thoả thuận Quy chế
bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích;*

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo tồn Bảo tàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo tồn Bảo tàng, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Văn hoá Thông tin và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

BẢO QUẢN, TU BỔ VÀ PHỤC

HỒI DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ, DANH LAM THẮNG CẢNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 / 2003/QĐ-BVHTT

ngày 06 tháng 02 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử-văn hoá, danh lam thắng cảnh

1. Bảo vệ các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi là di tích) trước những tác động xấu của môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội.
2. Bảo đảm giữ gìn tối đa các yếu tố nguyên gốc và các giá trị chân xác của di tích về các mặt: vị trí, cấu trúc, chất liệu, vật liệu, kỹ thuật truyền thống, chức năng, nội thất, ngoại thất, cảnh quan liên quan và các yếu tố khác của di tích nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị của di tích.
3. Bảo đảm sự hài hoà giữa di tích với môi trường cảnh quan xung quanh.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi có liên quan đến di tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định xếp hạng di tích và các di vật thuộc di tích đó.
2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực có liên quan tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bảo tồn di tích là những hoạt động nhằm bảo đảm sự tồn tại lâu dài, ổn định của di tích để sử dụng và phát huy giá trị của di tích đó;
2. Bảo quản di tích là hoạt động nhằm phòng ngừa và hạn chế những tác nhân hủy hoại di tích mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích;
3. Tu bổ di tích là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích;
4. Gia cố, gia cường di tích là biện pháp xử lý các cấu kiện của di tích nhằm giữ ổn định về mặt cấu trúc và tăng cường khả năng chịu lực của các cấu kiện này;
5. Tôn tạo di tích là những hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng và phát huy giá trị di tích nhưng vẫn đảm bảo tính nguyên vẹn, sự hài hoà của di tích và cảnh quan lịch sử - văn hoá của di tích;

6. *Phục hồi di tích* là hoạt động nhằm phục dựng lại di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã bị huỷ hoại trên cơ sở các cứ liệu khoa học về di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đó;

7. *Tu sửa cấp thiết di tích* là hoạt động sửa chữa nhỏ nhằm gia cố, gia cường các bộ phận di tích để kịp thời ngăn chặn di tích khỏi bị sập đổ trước khi tiến hành công tác tu bổ toàn diện.

Điều 4. Phân loại di tích

Căn cứ Điều 4 Luật di sản văn hoá, Điều 14 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá, các di tích được phân loại như sau:

1. *Di tích lịch sử - văn hoá* là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học;
2. *Di tích kiến trúc nghệ thuật* là công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển nghệ thuật kiến trúc của dân tộc;
3. *Di tích khảo cổ* là những địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển của các văn hoá khảo cổ;
4. *Danh lam thắng cảnh* là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.

Điều 5. Nguyên tắc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

1. Chỉ tiến hành bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích trong trường hợp cần thiết và phải lập thành dự án (Trường hợp tu sửa cấp thiết di tích thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Quy chế này). Dự án và thiết kế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích hoặc báo cáo tu sửa cấp thiết di tích phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Bảo đảm tính nguyên gốc, tính chân xác, tính toàn vẹn và sự bền vững của di tích.
3. Ưu tiên cho các hoạt động bảo quản, gia cố di tích trước khi áp dụng những biện pháp kỹ thuật tu bổ và phục hồi khác.
4. Việc thay thế kỹ thuật hay chất liệu cũ bằng kỹ thuật hay chất liệu mới phải được thí nghiệm trước để bảo đảm kết quả chính xác khi áp dụng vào di tích.
5. Chỉ thay thế một bộ phận cũ bằng một bộ phận mới của di tích khi có đủ những chứng cứ khoa học chuẩn xác và phải có sự phân biệt rõ ràng giữa bộ phận mới thay thế với những bộ phận gốc.
6. Bảo đảm an toàn cho bản thân công trình và khách tham quan.

Chương II

LẬP DỰ ÁN BẢO QUẢN, TU BỔ VÀ PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 6. Điều kiện lập dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

1. Dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích (sau đây gọi là dự án) phải do tổ chức có chuyên môn về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích thực hiện theo những quy định trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Chính phủ và quy định tại Điều 20 của Quy chế này.
2. Việc phân loại dự án thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Chính phủ.

Điều 7. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo khả thi

Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo khả thi bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích phải tuân thủ nội dung các bước lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo khả thi được quy định trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Chính phủ và các nội dung sau:

1. Liệt kê, đánh giá, phân tích về lịch sử, khảo cổ, kỹ thuật, mỹ thuật, vật liệu và các tài liệu liên quan khác của di tích:

a. Báo cáo về nội dung lịch sử di tích bao gồm:

Lịch sử nhân vật, sự kiện liên quan tới di tích (gồm tài liệu viết, ảnh chụp, bản vẽ và những mô tả khác có liên quan đến nhân vật, sự kiện);

Lịch sử quá trình bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích (tài liệu viết, ảnh chụp, bản vẽ và các loại hồ sơ tư liệu khác). Nội dung các tài liệu trên phải nêu rõ năm xây dựng công trình; nội dung và thời gian những lần công trình đã được bảo quản, tu bổ và phục hồi.

b. Báo cáo về khảo cổ học của di tích bao gồm:

Trích dẫn tài liệu khảo cổ trước đây của di tích (nếu có);

Đánh giá dự báo mức độ nghiên cứu khảo cổ học đối với di tích như: điều tra, thám sát hoặc khai quật khảo cổ;

Kiến nghị về công tác khảo cổ: kiến nghị thực hiện (hoặc không thực hiện) công tác nghiên cứu, thám sát, khai quật khảo cổ tại từng công trình khi tiến hành tu bổ và phục hồi; đánh giá toàn bộ công tác khảo cổ đã thực hiện; kiến nghị việc bảo vệ di tích khảo cổ.

c. Báo cáo về kết cấu và nền móng công trình của di tích bao gồm: tình trạng kết cấu, khả năng chịu tải, liên kết.

d. Báo cáo về mỹ thuật của di tích bao gồm:

Tài liệu viết, ảnh mô tả về giá trị lịch sử mỹ thuật của di tích;

Đánh giá giá trị các trang trí mỹ thuật tại di tích;

Đánh giá giá trị các thành phần được trang trí sơn thếp về màu sắc, thể loại, trang trí, chất liệu, niên đại;

Báo cáo tình trạng, chất lượng các trang trí mỹ thuật.

đ. Báo cáo về vật liệu của di tích bao gồm:

Số liệu về các loại vật liệu trong di tích như: chủng loại, chất liệu, kích thước, màu sắc, trang trí mỹ thuật, niên đại, thành phần, cấu trúc, thành phần hoá lý và những số liệu liên quan khác;

Đánh giá phân loại sơ bộ về các vật liệu sử dụng tại di tích theo các giai đoạn xây dựng, bảo quản, tu bổ và phục hồi nhằm xác định các vật liệu nguyên gốc và quá trình xây dựng, tu bổ của di tích.

e. Đánh giá tình trạng kỹ thuật và nguyên nhân gây hư hỏng của các cấu kiện, thành phần kiến trúc của di tích qua các thời kỳ, các giai đoạn xây dựng, bảo quản tu bổ, phục hồi và kiến nghị về các giải pháp bảo

quản, tái sử dụng, phục chế vật liệu.

2. Lập hồ sơ khảo sát, đánh giá hiện trạng kiến trúc của di tích:

a. Tài liệu viết về di tích bao gồm:

Mô tả hiện trạng tổng thể từng công trình (công trình mất, còn, sụp đổ, hư hại, biến đổi...);

Đánh giá nguyên nhân gây hư hại của từng công trình;

Số liệu cơ bản về hiện trạng của di tích.

b. Hồ sơ bản vẽ khảo sát hiện trạng di tích bao gồm:

Bản vẽ mặt bằng vị trí;

Bản vẽ mặt bằng tổng thể;

Bản vẽ mặt bằng các hạng mục di tích;

Bản vẽ mặt đứng các hạng mục di tích;

Bản vẽ mặt cắt các hạng mục di tích;

Bản vẽ đánh giá hiện trạng các bộ phận của các hạng mục di tích;

Bản vẽ kiến trúc đã có trước đây làm tài liệu tham khảo;

Thuyết minh hồ sơ bản vẽ.

c. Đánh giá tổng thể kiến trúc của di tích.

3. Ảnh chụp và ghi hình hiện trạng của di tích (thời điểm lập dự án):

a. Ảnh chụp và ghi hình tổng thể;

b. Ảnh chụp và ghi hình công trình;

c. Ảnh chụp và ghi hình nội thất, ngoại thất công trình;

d. Ảnh chụp các chi tiết đặc trưng.

4. Bản dập các chi tiết quan trọng;

5. Phương án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích:

a. Thuyết minh các phương án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích (phương án chọn, phương án so sánh)

bao gồm: phương án bảo quản di tích; phương án tu bổ di tích; phương án phục hồi di tích; phương án tổng hợp;

b. Bản vẽ kiến trúc phương án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích bao gồm:

Bản vẽ mặt bằng tổng thể;

Bản vẽ mặt bằng các công trình;

Bản vẽ các mặt đứng công trình;

Bản vẽ các mặt cắt công trình;